

Từ khế ước xã hội đến sự hình thành quyền lực nhà nước theo quan điểm của Thomas Hobbes, John Locke và Jean Jacques Rousseau

Nguyễn Huỳnh Như*

Nhận ngày 28 tháng 6 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 2 năm 2022.

Tóm tắt: Khế ước xã hội là học thuyết được nhiều nhà triết học chính trị nghiên cứu để luận giải cho sự ra đời của quyền lực nhà nước. Từ việc tìm hiểu và phân tích bản chất con người trong trạng thái tự nhiên, khế ước xã hội chính là kết quả của sự đồng thuận giữa người với người trong việc từ bỏ trạng thái tự nhiên để chuyển sang trạng thái có nhà nước. Về mặt luật pháp, khế ước xã hội là bản hợp đồng, trong đó các thành viên thống nhất nguyên tắc để cùng nhau chung sống trong hòa bình. Do đó, khế ước xã hội được coi là cơ sở cho sự hình thành nhà nước và quyền lực nhà nước. Bài viết này tập trung phân tích quan điểm của các nhà triết học chính trị: Thomas Hobbes, John Locke và Jean Jacques Rousseau từ khế ước xã hội đến sự hình thành quyền lực nhà nước; từ đó, chỉ ra những nét tương đồng, tính kế thừa và sự khác nhau trong quan điểm của các ông.

Từ khóa: Khế ước xã hội, quyền lực nhà nước, Thomas Hobbes, John Locke, Jean Jacques Rousseau.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Social contract is a theory studied by many political philosophers to explain the birth of state power. From the understanding and analysing human nature in its natural state, the social contract is the result of the agreement between people in abandoning the natural state to switch to the condition of state. In legal terms, a social contract is a contract in which members agree on principles to live together in peace. Therefore, the social contract is considered the basis for state formation and state power. This article focuses on analyzing the views of political philosophers Thomas Hobbes, John Locke and Jean Jacques Rousseau from the social contract to the formation of state power to point out the similarities, inheritance and differences in their views.

Keywords: Social contract, state power, Thomas Hobbes, John Locke, Jean Jacques Rousseau.

Subject classification: Philosophy

* Công ty Điều hành Dầu khí Phú Quốc.
Email: nguyennhuynhnhu2910@gmail.com

1. Mở đầu

Từ thời cổ đại đến nay, quyền lực nhà nước không chỉ đơn giản là một phạm trù nằm trên bàn giấy của các nhà triết học chính trị. Xét về mặt thực tiễn, nó luôn là mục tiêu trọng tâm trong các cuộc đấu tranh chính trị giữa các cá nhân, tổ chức, nhóm lợi ích và đảng phái. Ở châu Âu cổ đại mà điển hình nhất là Hy Lạp cổ đại, quyền lực nhà nước nằm trong tay giai cấp chủ nô. Đến thời kỳ đêm trường Trung cổ, về mặt hình thức, quyền lực nhà nước nằm trong tay giai cấp địa chủ phong kiến. Nhưng xét về mặt thực chất, đây là giai đoạn thần quyền đứng trên thế quyền nên quyền lực tối cao nằm trong tay Giáo hội. Tuy nhiên, từ thế kỷ XV trở đi, các quốc gia trên khắp châu Âu chứng kiến hàng loạt các cuộc đấu tranh chống lại thần quyền phong kiến và yêu cầu xét lại giáo lý Kitô. Song song đó, nhiều ngành khoa học không chỉ được “hồi sinh” mà một số ngành khoa học mới được ra đời và đem đến nhiều thành tựu để ứng dụng vào thực tiễn. Trong kinh tế, chủ nghĩa tư bản từng bước được hình thành, giai cấp tư sản ngày càng chiếm địa vị cao và có sức ảnh hưởng trong xã hội. Xuất phát từ những biến chuyển thời cuộc trên cả ba phương diện: kinh tế, chính trị, xã hội, quyền lực nhà nước trở thành một trong những vấn đề quan trọng cần được nghiên cứu và giải đáp.

Từ thế kỷ XVI-XVIII, Thomas Hobbes, John Locke và Jean Jacques Rousseau được biết đến như những nhà triết học chính trị tiêu biểu của thời đại. Bằng sự kế thừa các giá trị tư tưởng trước đó, Hobbes, Locke và Rousseau đưa ra học thuyết khế ước xã hội nhằm lý giải nguồn gốc quyền lực nhà nước và tính chất của nó. Từ đó, các ông đã đưa ra nhiều quan điểm tiên bộ về quyền lực nhà nước như: dân chủ, quyền tự nhiên, quyền công dân... và đặt nền móng cho tư tưởng Nhà nước pháp quyền.

Khế ước xã hội được hiểu đơn giản là một bản công ước, dựa trên sự thỏa thuận của số đông trong xã hội để thiết lập các nguyên tắc xử sự và mục tiêu chung nhằm bảo vệ sự ổn định, an ninh cho toàn xã hội. Khế ước xã hội được hình thành bắt nguồn từ nhu cầu cảm tính và lý tính của con người. Khi mà ở trạng thái tự nhiên, các quyền tự nhiên của con người dễ bị xâm hại và nguy cơ rơi vào trạng thái hỗn độn, mất kiểm soát cao. Vì vậy, để tạo ra một môi trường hòa bình, ổn định bền vững mà vẫn đảm bảo các quyền cơ bản của con người thì cần phải có một “ý chí chung” và một “thực thể tối cao” - đó là nhà nước.

Sự ra đời của khế ước xã hội xuất phát nhu cầu tất yếu của con người và nó là cơ sở quy định nguồn gốc hình thành, bản chất và chức năng của quyền lực nhà nước. Vì vậy, nhà nước có vai trò trung gian, như người điều hành và phán xử, thực thi ý chí chung ấy dựa trên nguyên tắc đảm bảo quyền con người và lợi ích chung cho đa số. Do đó, quyền lực nhà nước là quyền lực công cộng, nó dùng để điều tiết lợi ích và buộc tất cả mọi người phải tuân theo khế ước đã ký kết.

2. Trạng thái tự nhiên và quyền tự nhiên

Theo Hobbes, Locke và Rousseau, trạng thái tự nhiên là trạng thái sơ khởi nhất của con người trước khi hình thành nhà nước và xã hội công dân. Tuy nhiên, mỗi ông đều có cách lý giải khác nhau về trạng thái tự nhiên. Theo Hobbes, trạng thái tự nhiên là trạng thái mà tất cả dường như đạt đến sự tuyệt đối: tự do tuyệt đối, ham thích tuyệt đối, quyền lực tuyệt đối.

Con người có quyền được làm bất kì việc gì theo ý muốn cá nhân mà không bị ràng buộc bởi một luật lệ hay một thế lực bên ngoài nào cả. Tuy nhiên, theo Hobbes, do bản tính của con người là ích kỷ và độc ác nên trong trạng thái tự nhiên không có sự phân định “của tôi” và “của anh”, luật tự nhiên cho phép mỗi người đều có quyền chiếm đoạt đối với bất kỳ vật nào, bất kỳ tài sản nào - đây chính là đầu mối của mọi xung đột. Do đó, trong trạng thái tự nhiên, con người tấn công nhau bởi ba lý do: vì lợi ích vật chất, vì bảo vệ sự an toàn của cá nhân và vì danh dự. Do đó, trạng thái tự nhiên của Hobbes là trạng thái hỗn độn, người với người là chó sói, là “chiến tranh của tất cả chống lại tất cả” (Hobbes, T., 1904, tr.83).

Locke và Rousseau cũng thừa nhận quan điểm của Hobbes về việc thay thế trạng thái tự nhiên bằng trạng thái công dân (dân sự), tức là trạng thái có nhà nước. Tuy nhiên, nếu Hobbes cho rằng trạng thái tự nhiên là trạng thái chiến tranh thì đối với Locke và Rousseau, trạng thái tự nhiên là trạng thái hòa bình, trạng thái của tự do và bình đẳng. Locke viết: “Đó là trạng thái tự do hoàn hảo cho việc sắp đặt hành động, thu xếp tài sản và cá nhân mình theo những gì họ cho là thích hợp mà không phải xin phép hay phụ thuộc vào ý chí của bất kì ai” (John Locke, 2019, tr.35).

Theo Rousseau, con người tự nhiên không có tố chất của tính xã hội. Trạng thái tự nhiên trong con mắt của Rousseau là biểu tượng của thời ấu thơ và trẻ trung của nhân loại, thời của lòng nhiệt thành và đán xen sự bông bột, nhưng chưa hề biết đến sự tha hóa đạo đức và sự lừa dối, phản trắc và thủ đoạn, vì vậy, đó là trạng thái của hòa bình. Bởi vì ông cho rằng, ở trạng thái tự nhiên, con người sống cô độc và phân tán, không có ngôn ngữ, không có gia đình mà chỉ quan hệ tính giao ngẫu nhiên. Lối sống của con người trong trạng thái tự nhiên giản đơn và dung dị, chưa cần đến sự phán quyết của lý trí và chưa bị ràng buộc vào những chuẩn mực đạo đức. Vì vậy, trạng thái tự nhiên là trạng thái hòa bình. Theo Rousseau, chiến tranh chỉ xuất hiện sau khi có nhà nước vì nó không thể nảy sinh từ những mối quan hệ giữa các cá nhân đơn lẻ mà là giữa quốc gia này với quốc gia kia, các cá nhân chỉ với vai trò là người lính mà trở thành kẻ thù của nhau một cách tình cờ.

Cả Hobbes, Locke và Rousseau đều cho rằng, trong trạng thái tự nhiên, con người sống với các quyền tự nhiên của mình. Quyền tự nhiên là những quyền được quy định bởi tự nhiên, đây là các quyền cố hữu và mang bản chất người. Quyền tự nhiên có trước chính trị và đứng trên chính trị, đồng thời nó còn là cơ sở cho các hoạt động chính trị. Trong các quyền đó, nổi bật lên là quyền sống, quyền tự do và quyền sở hữu - đây là các quyền bất khả xâm phạm và hợp lý tính của con người. Hobbes viết trong tác phẩm *Leviathan* như sau: “Tự do (nếu theo đúng nguyên nghĩa của nó) thì được hiểu là không có sự cản trở bên ngoài nào mà sự cản trở đó tước đi một phần quyền lực của con người trong việc anh ta làm điều mà mình muốn và cũng không thể cản trở anh ta sử dụng quyền lực của mình để làm những việc xuất phát từ sự phán đoán và lí trí của bản thân” (Hobbes, T., 1904, tr.86).

Cũng tương tự như Hobbes, Locke cho rằng, tự do chính là quyền tự nhiên và cơ bản nhất của con người, mỗi người có quyền hành động theo lý trí của mình và không có một thứ quyền lực nào đứng trên nó. Và hơn hết, quyền tự nhiên theo Locke còn là các quyền bất khả chuyển nhượng, dù muốn hay không thì mọi người cũng không thể thay đổi, vứt bỏ, trao đổi hoặc bán đi trừ phi chúng ta không còn sống nữa. Rousseau nhấn mạnh thêm: “Từ bỏ quyền tự do là từ bỏ làm người, từ bỏ các quyền của nhân loại, và cả những bổn phận của mình. Kẻ từ bỏ tất cả thì sẽ không có một sự đền đáp nào. Sự từ bỏ như vậy không thích hợp với bản chất của con người” (Rousseau, J. J., 2016, tr.36). Tước đoạt tự do của người khác là đồng nghĩa với hành động phi đạo đức và vô nhân tính.

Bên cạnh quyền tự do thì quyền được bình đẳng cũng được cả ba ông đề cao. Các ông đều cho rằng, con người sinh ra vốn dĩ bình đẳng, không có thứ bậc, không có phẩm vị cao thấp, không ai có thể đứng trên người khác, chi phối và quyết định thay người khác dù cho thể lực và trí tuệ của họ có khác nhau. Tuy nhiên, theo Hobbes, sự tự do và bình đẳng ấy không bền vững bởi vì con người ngay từ bản tính của mình đã chịu sự chi phối của lòng tham, sự sợ hãi, sự giận dữ và những đam mê thú vật khác. Lợi ích vật chất và danh dự là hai yếu tố kích thích mạnh mẽ đối với đời sống của con người. Do vậy, con người luôn bị đe dọa bởi sự xâm phạm của người khác đối với tính mạng và tài sản của mình. Vì thế, xét cho đến cùng thì mọi quyền của con người thực ra chỉ mang tính hình thức và không bền vững vì bình đẳng mà không bình đẳng thực sự, tự do mà không thực sự tự do, công bằng mà không thực sự công bằng.

Còn đối với Locke, ông cho rằng mỗi người đều là tuyệt tác của đấng sáng tạo toàn năng và toàn thông, mỗi người đều “được trang bị những năng lực giống nhau và chia sẻ tất cả trong một cộng đồng tự nhiên” (John Locke, 2019, tr.38). Vì vậy, không ai có quyền lấy đi, tước đoạt hay xâm hại đến “những gì nhằm bảo toàn sự sống, quyền tự do, sức khỏe, thân thể, hay tài sản của người khác, trừ phi để thực hiện công lý với kẻ phạm tội” (John Locke, 2019, tr.38). Locke nhấn mạnh, con người là động vật có lý trí nên trạng thái tự do không có nghĩa là trạng thái tự tiện và lộn xộn: “Dù trong trạng thái này người ta có quyền tự do không bị kiểm soát để sắp đặt con người hay tài sản của mình nhưng vẫn không được tự do hủy diệt bản thân và ngay cả đối với sinh vật nào mà mình sở hữu trừ phi chúng được cần đến ở công dụng cao quý hơn là sự bảo toàn trần trụi” (John Locke, 2019, tr.37). Và bình đẳng cũng không hẳn chỉ mang tính hình thức do chịu sự chi phối của “luật kẻ mạnh” hay “luật vật lý” (mạnh được yếu thua) như quan điểm của Hobbes. Lý do cho điều này là ngay cả khi trong trạng thái tự nhiên, Locke cho rằng vẫn có một kiểu luật lệ không giống như của những nhà lập pháp, đó là luật tự nhiên.

Cũng khác với Hobbes, Rousseau cho rằng trong trạng thái tự nhiên chưa hiện diện sự bất bình đẳng và cũng không có những xung đột tự phát vì lợi ích. Bởi vì, trong trạng thái tự nhiên, con người sống phân tán và tận hưởng nguồn của cải dồi dào từ thiên nhiên. Có chăng là sự khác nhau về thể lực và trí tuệ giữa người này với người khác, nhưng điều đó không dẫn đến bất bình đẳng về quyền và cũng không phải là cơ sở để bắt người khác phục tùng. Bởi vì, “lực” không tạo nên “quyền” và nó không có tác dụng về đạo đức, sức mạnh cơ bắp không phải là giải pháp hữu hiệu và bền vững trong việc thiết lập mối quan hệ giữa người với người. Nếu suy cho đến cùng, kẻ mạnh nhất cũng không bao giờ đủ mạnh để có thể luôn luôn bắt người khác phải phục tùng ý chí của mình và những kẻ yếu đuối nhất có thể khuất phục là vì bị ép buộc hoặc thậm trọng chứ không phải tự nguyện xem như là một bần phận.

Về quyền sở hữu, ở trạng thái tự nhiên, con người được tự do chiếm hữu bất kì đồ vật nào mình muốn nhằm đảm bảo cho nhu cầu sống của mình. Bởi một lẽ giản đơn: mọi cái do con người tạo dựng bằng sức lực và trí tuệ của mình cần được thừa nhận và bảo vệ, như chính Thượng đế đã ban cho. Cái gì do Thượng đế ban cho, cái đó trở nên thiêng liêng và bất khả xâm phạm. Tuy nhiên, nếu Hobbes cho rằng, quyền này được thực hiện một cách tùy tiện (bởi con người có quyền chiếm hữu mọi thứ) thì đối với Locke và Rousseau nó được thực hiện một cách có trật tự. Rousseau đưa ra nguyên tắc xác định quyền của kẻ chiếm hữu đầu tiên gồm: một là vật đó không ai sở hữu, hai là phải thông qua lao động của cá nhân mình và ba là tất cả mọi người đều phải tôn trọng sự sở hữu trên.

Theo Hobbes, Locke và Rousseau, trong trạng thái tự nhiên tồn tại một thứ luật lệ không phải do con người đặt ra nhưng nó lại quy định các quyền tự nhiên của con người và buộc con người phải hành động theo - đó là luật tự nhiên. Luật tự nhiên là luật được thiết lập bởi tự nhiên, nó xuất phát từ thiên tính của con người, là luật bất biến và vĩnh cửu. Luật tự nhiên là luật của lý trí, nó thừa nhận mọi người được quyền bình đẳng, tự do và được chiếm hữu ngang nhau. Luật tự nhiên là phương tiện điều chỉnh hành vi con người, nó không những bảo vệ mà còn là sự phản biện đối với quyền tự nhiên. Tuy nhiên, nếu Hobbes chỉ bàn luật tự nhiên với sự tác động đến hành vi cá nhân thì Locke và Rousseau còn mở rộng ra ở góc độ tập thể.

Theo đó, luật tự nhiên quy định “con người bị cấm làm điều nguy hại cho cuộc sống của mình hoặc tước bỏ các phương tiện bảo vệ mình, và xem thường cái mà anh ta cho là phương tiện tốt nhất để bảo vệ cuộc sống” (Hobbes, T., 1904, tr.86). Đối với Locke và Rousseau, luật tự nhiên mang ý chí hòa bình và chức năng của luật tự nhiên là ngoài bảo toàn cho cá nhân thì nó còn bảo toàn cho toàn thể loài người. Con người sinh ra thì mặc nhiên có quyền tự nhiên và bị kiểm soát bởi luật tự nhiên. Lý giải cho điều này, Locke đưa ra hai câu trả lời: một là, vì con người là tuyệt tác của đấng sáng tạo và hai là, vì con người là sinh vật có lý trí. Theo ông, lý trí dù ở trạng thái nào, cũng đều là đặc trưng mang tính người, nó dạy con người sống bình đẳng và độc lập như nhau, không ai được phép làm hại người khác.

Locke cho rằng, vi phạm luật tự nhiên là làm trái với những nguyên tắc của lý trí và bản tính người, tội phạm là kẻ mang lại sự nguy hiểm và chống lại toàn thể loài người. Và theo luật tự nhiên, con người có quyền bảo toàn mọi thứ của mình đến mức tối đa có thể, bởi vì tự do chính là nền tảng cho tất cả các quyền ấy. Đồng thời, ở trạng thái chưa có nhà nước, pháp luật và tòa án thì mỗi người đều là viên chấp pháp của luật tự nhiên, ai cũng có quyền trừng phạt những kẻ vi phạm và bảo vệ người vô tội. Tuy nhiên, theo Locke đây không phải là một thứ quyền lực độc đoán hay tùy tiện xử phạt mà phải được xem xét bởi lý trí và lương tâm, tương xứng với mức độ vi phạm. Mục tiêu cuối cùng là giúp bồi thường cho người bị xâm phạm và trừng phạt, cảnh cáo đối với tội phạm và kiềm chế, ngăn ngừa người khác phạm tội.

Tuy nhiên, trạng thái tự nhiên là trạng thái không hoàn hảo, bởi nó chứa đựng những yếu tố gây bất ổn cho đời sống con người. Do đó, để tránh tình trạng này, con người cần đi đến một thống nhất chung để chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái có nhà nước thông qua khế ước xã hội.

3. Khế ước xã hội và nguồn gốc, bản chất, chức năng của quyền lực nhà nước

Khế ước xã hội là một bản công ước, dựa trên sự đồng thuận và ý muốn của số đông, nó là tiền đề hình thành xã hội công dân và nhà nước hợp lý tính. Cả Hobbes, Locke và Rousseau đều cho rằng sự chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái công dân dựa trên khế ước xã hội là chuyển từ trạng thái hợp quần hoang dã để đi đến một xã hội văn minh hơn trạng thái ban đầu.

Theo Hobbes, xuất phát từ khát vọng của con người sống hòa bình, an ninh và không bị xâm hại, mỗi người chấp nhận trao một phần tự do của mình để ký kết một bản khế ước. Khế ước xã hội chính là kết quả của mong muốn điều hòa mâu thuẫn và nhằm giới hạn

quyền tự do thái quá của con người trong trạng thái tự nhiên. Nó là phương tiện thiết yếu để đưa con người ra khỏi trạng thái chiến tranh từ đó xác lập các quyền công dân trên cơ sở của quy tắc trong phép xử sự thay cho quy luật tự nhiên mạnh được yếu thua. Hobbes viết: “Những khát vọng dẫn con người đến khuynh hướng hòa bình là nỗi lo sợ về cái chết, ước muốn có được đầy đủ những gì cần thiết cho cuộc sống và niềm hy vọng đạt được điều đó bằng sự cần cù của mình. Và lý trí gợi mở các điều lệ của nền hòa bình, trên cơ sở đó mà con người có thể đi đến một thỏa thuận” (Hobbes, T., 1904, tr.86). Vì vậy, việc hình thành khế ước không chỉ xuất phát từ nhu cầu cảm tính mà còn dựa trên cả lý tính của con người. Các quyền công dân cũng được xác lập dựa trên quyền tự nhiên của con người nhưng không còn mang tính tuyệt đối như trước, mà con người tự do theo kiểu được phép làm những gì pháp luật không cấm.

Nếu Hobbes cho rằng, khế ước xã hội chính là cách để hạn chế sự lạm dụng quyền tự do cá nhân đến mức thái quá thì Locke cho rằng khế ước xã hội là cách tốt nhất để khắc phục những khuyết điểm của trạng thái tự nhiên. Nhà nước ra đời là để thể chế hóa các quyền tự nhiên, thay thế luật tự nhiên bằng luật pháp (mang tính nhân tạo) để nhằm củng cố các quyền tự nhiên vốn có ấy. Ông giải thích, trạng thái tự nhiên không có người phán xử, không có nơi để kiện cáo và tất cả mọi người đều có thể làm quan tòa cho vụ việc của riêng mình. Do đó mà dễ “khiến người ta thiên vị bản thân và bạn bè; và bên cạnh đó, bản tính xấu, sự xúc động và thù hận sẽ đưa họ đi quá xa khi trừng phạt kẻ khác, rồi từ đây và theo sau nó sẽ không là gì khác ngoài sự hỗn độn và rối loạn” (John Locke, 2019, tr.45). Chính vì vậy mà một khi có xung đột xảy ra thì trạng thái chiến tranh sẽ kéo dài và “bất kì ai cũng có thể bước vào trạng thái chiến tranh và trở thành kẻ gây hấn trong trạng thái đó” (John Locke, 2019, tr.51). Vì vậy, Locke đi đến kết luận, con người không thể tồn tại lâu trong trạng thái tự nhiên mà cần có một chính quyền dân sự thay thế, trước hết mỗi người phải nhận thức được rằng điều đó là cần thiết và đi đến một thỏa thuận chung là tự nguyện từ bỏ một phần quyền lực của cá nhân để hợp thành xã hội - thỏa thuận này được gọi là khế ước xã hội.

Còn theo Rousseau, khế ước xã hội được hình thành từ sự trưởng thành về mặt ý thức của con người. Bên cạnh bất bình đẳng về thể lực và trí tuệ do tự nhiên tạo ra, con người còn thường hành xử theo bản năng, cảm tính, dễ bị thôi thúc bởi vật chất và lòng ham muốn mà quên mất đi lý trí của mình. Ngoài ra, con người còn bị tấn công bởi thiên tai, do đó, cho đến cuối cùng con người nhận thấy cần có sự liên kết để tạo thành sức mạnh nhằm bảo toàn mạng sống, tài sản và các quyền của mình. Rousseau nhấn mạnh: “Tìm ra một hình thức liên kết với nhau, để dùng sức mạnh chung mà bảo vệ mọi thành viên. Mỗi thành viên trong khi khép mình vào tập thể, dùng sức mạnh tập thể, vẫn được tự do đầy đủ như trước, vẫn chỉ tuân theo chính bản thân mình. Lời giải của vấn đề căn bản này nằm ngay trong Khế ước xã hội” (Rousseau, J. J., 2016, tr.44).

Vậy khế ước xã hội là gì? Khế ước xã hội theo Rousseau là một bản thỏa thuận của số đông, nó làm con người mất đi cái tự do thiên nhiên và cái quyền hạn chế được làm những điều muốn làm nhưng mặt khác, con người lại quyền tự do dân sự (công dân) và quyền sở hữu cái mà anh ta có. Khế ước xã hội không làm mất đi sự bình đẳng tự nhiên của con người, mà dựa vào đó, nó biến sự bất bình đẳng (về thể lực và trí tuệ) của con người trong tự nhiên thành quyền bình đẳng hợp pháp và hợp lý tính. Mục đích cao nhất của khế ước xã hội đó là bảo tồn các thành viên và biến các quyền tự nhiên của con người mang tính pháp lý. Trên cơ sở thừa nhận và bảo vệ của luật pháp, quyền tự do tự nhiên, tự do hoang dã

không còn nữa mà thay vào đó là tự do có ý thức, quyền chiếm hữu tự nhiên được thay bằng quyền sở hữu, sự bất bình đẳng về thể lực và trí tuệ được thay thế bằng sự bình đẳng đặc thù giữa các công dân. Do đó, khế ước xã hội đã biến đời sống hoang dã của con người trở nên lý trí hơn và văn minh hơn.

Chính vì vậy mà “thật khó để nghĩ rằng, trong khế ước xã hội, lại có một cá nhân nào thật sự từ bỏ (quyền lợi của mình), vì lẽ vị trí mà họ có hiện nay nhờ khế ước xã hội thật là tốt hơn vị trí mà họ có trước kia. Thay vì từ bỏ, họ đã làm một sự trao đổi có lợi: “Thay vì một lối sống tạm thời và không ổn định, họ có một đời sống tốt hơn và ổn định hơn; thay vì sự độc lập thiên nhiên, họ có được sự tự do; thay vì có thể làm hại người khác, họ được sự an toàn cho chính họ; và thay vì một sức mạnh mà kẻ khác có thể đánh đổ, họ được một quyền mà sự kết hợp xã hội làm cho trở nên vô địch. Đời sống của họ, mà họ đã hiến dâng cho quốc gia, được quốc gia luôn luôn che chở; và khi họ liều mạng sống để bảo vệ quốc gia, họ chẳng làm gì hơn là trả lại những gì mà họ đã nhận được” (Rousseau, J. J., 2016, tr.70). Và để có thể hưởng những lợi ích này lâu dài thì bắt buộc mọi người phải có sự cam đoan, bởi vì nếu bất tuân khế ước thì con người sẽ trở lại trạng thái ban đầu. Những người chống lại khế ước đồng nghĩa với việc trở thành kẻ thù của cộng đồng và đáng bị trừng phạt.

Khế ước xã hội đã giúp con người chuyển từ trạng thái tự nhiên lên trạng thái công dân. Nhưng để điều tiết các mối quan hệ và hành vi của con người thì cần có một cơ cấu chung cho xã hội, đó chính là nhà nước. Cơ cấu này đòi hỏi cần có quyền lực đủ mạnh để có thể quản lý và cưỡng chế đối với những người chống lại cộng đồng. Do đó, khế ước xã hội cũng là căn cứ để hình thành nên nhà nước và quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước chỉ được xem là hợp lý tính khi nó được hình thành dựa trên khế ước xã hội.

Vì khế ước xã hội được hình thành từ sự tự nguyện chuyển giao quyền tự nhiên của các cá nhân nên quyền lực nhà nước cũng là quyền lực chung của cả cộng đồng. Hay nói cách khác, nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Nhân dân tự quyết định số phận của mình bằng “ý chí chung”, thông qua những đại diện ưu tú và hợp pháp. Quyền lực nhà nước được dùng để điều phối quyền và nghĩa vụ của công dân, đôi khi nó còn dùng để cưỡng chế đối với thiểu số không tuân thủ. Hành động này không phải là sự tước đoạt tự do cá nhân, mà chính là tự do cá nhân được đặt trong mối liên hệ hữu cơ với tự do của tất cả mọi người. Mỗi hành động tự do của người này đều cần được suy xét để không tổn hại đến sự tự do của người khác. Hơn thế nữa, luật pháp đặt ra chỉ là để đảm bảo những quyền lợi chính đáng của con người, nhân dân trực tiếp làm ra luật, thay đổi luật và là đối tượng để luật pháp bảo vệ.

Tuy giống nhau trong quan điểm về nguồn gốc, bản chất và chức năng của quyền lực nhà nước nhưng giữa Hobbes, Locke và Rousseau lại khác nhau trong quan điểm về phương thức giao quyền và mô hình nhà nước lý tưởng. Thomas Hobbes ủng hộ mô hình quân chủ chuyên chế và chủ thể quyền lực là quân vương. Theo Hobbes, quyền lực nhà nước ban đầu thuộc về nhân dân, nhưng một khi nhân dân quyết định trao quyền cho quân vương thì không thể rút lại được nữa. Quân vương là người đại diện cho ý chí chung của nhân dân để quản lý xã hội và nhân dân buộc phải tuân phục ý chí của quân vương. Quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân chia, quân vương phải nắm cả thân quyền và thể quyền, dùng sức mạnh cưỡng chế để bắt người dân phải phục tùng nhằm duy trì sự ổn định của xã hội.

Còn với Locke và Rousseau, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân có quyền lập nên nhà nước và cũng có quyền lật đổ nhà nước. Cái công ước được nhất trí giữa người với người cũng là cái được quy thành luật, để nhân dân có quyền định đoạt số phận mình, chứ không phải một Leviathan nào khác. Nhà nước chỉ là cơ quan đại diện cho ý chí chung của nhân dân để quản lý xã hội - đây chính là nguyên tắc căn bản trong tổ chức quyền lực nhà nước, từ đó xác định vai trò, chức năng và nhiệm vụ của nhà nước. Do đó, quyền lực nhà nước là quyền lực công, các quyết định của nhà nước không thể đi trái lại với lợi ích của các thành viên trong xã hội.

4. Giá trị của tư tưởng Thomas Hobbes, John Locke và Jean Jacques Rousseau về khế ước xã hội và quyền lực nhà nước

Tuy quan điểm của Hobbes, Locke và Rousseau có một số điểm khác biệt về khế ước xã hội và quyền lực nhà nước, nhưng điểm gặp gỡ lớn nhất trong tư tưởng của các ông là chủ nghĩa nhân văn. Mặc dù quan điểm của Hobbes về quyền lực nhà nước còn chứa đựng yếu tố cực đoan nhưng đó cũng là do Hobbes sống trong thời nội chiến. Tư tưởng của Locke và Rousseau dường như cởi mở và hiện đại hơn, bởi vì các ông được sống vào thời cận đại và Khai sáng (thời đại mà con người trở thành trung tâm, lớp áo thần quyền từng bước bị cởi bỏ và thay thế). Thông qua những nội dung đã phân tích như trên, ta có thể thấy rằng tư tưởng của Hobbes, Locke và Rousseau có rất nhiều điểm tiến bộ mà nền chính trị nhân loại ngày nay vẫn đang hướng đến.

Thứ nhất, từ việc phân tích trạng thái tự nhiên Hobbes, Locke và Rousseau đã nêu ra được nguồn gốc và bản chất quyền con người, xem đó là các quyền bất khả xâm phạm. Đồng thời, sau khi chuyển sang trạng thái có nhà nước thì các quyền đó cũng chính là cơ sở để xác định và bảo vệ quyền công dân, đặc biệt là các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng trong chính trị.

Thứ hai, sự tiến bộ còn được thể hiện ở chỗ chỉ ra được tính nhân tạo của nhà nước và quyền lực nhà nước. Các ông đã vạch ra được tính chất và chức năng công cộng của quyền lực nhà nước. Mục đích cao nhất của quyền lực nhà nước là dùng để đảm bảo lợi ích chung cho cộng đồng và bảo vệ quyền con người.

Thứ ba, xác định nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Cũng bởi vì quyền lực nhà nước là quyền lực công cộng nên người dân được quyền tự do lựa chọn thể chế chính trị và người cầm quyền. Do đó, nhà cầm quyền chỉ là đang thay mặt cho dân chúng thực thi ý chí chung ấy, người dân có quyền lập nên nhà nước và cũng có quyền phá vỡ nhà nước ấy.

Thứ tư, yêu cầu nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, mỗi cá nhân trong nhà nước đều phải thực hiện nghĩa vụ của mình và tuân thủ theo luật pháp đã đặt ra. Luật pháp ra đời là để thể chế hóa các quyền của con người chứ không phải là tước đoạt các quyền ấy, con người được tự do làm những gì mà pháp luật không cấm. Đây chính là những điểm tiến bộ giúp đặt nền móng cho tư tưởng chính trị hiện đại và việc ra đời nhà nước pháp quyền sau này.

5. Kết luận

Tóm lại, học thuyết khế ước xã hội của Thomas Hobbes, John Locke và Jean Jacques Rousseau là điểm sáng cho việc lý giải nguồn gốc, bản chất và chức năng của quyền lực nhà nước thời bấy giờ. Cũng chính từ cách lý giải này mà Hobbes, Locke và Rousseau đã đóng góp vào dòng chảy lịch sử tư tưởng nhân loại nhiều giá trị tiến bộ. Ngày nay, các giá trị về quyền con người, quyền công dân mà đặc biệt là dân chủ và xây dựng nhà nước pháp quyền đã được nhiều quốc gia đề cao và vận dụng. Điều này càng chứng tỏ tính chất nổi trội, vượt thời đại trong quan điểm về quyền lực nhà nước của các ông.

Tài liệu tham khảo

1. Durant, A. & Durant, W. (2020), *Lịch sử văn minh thế giới - Phần X: Rousseau và Cách mạng*, Bùi Xuân Linh (dịch), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Dương Thị Ngọc Dung (2005), “Góp phần tìm hiểu quan niệm về thống nhất quyền lực và những ý tưởng về nhà nước của dân, do dân và vì dân của J. J. Rousseau”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 9 (85).
3. Nguyễn Đăng Dung và cộng sự (2020), *Lịch sử các học thuyết chính trị*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
4. Hoàng Thị Hạnh (2007), “Jean Jacques Rousseau và tác phẩm Bàn về khế ước xã hội”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 7 (415).
5. John Locke (2019), *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, Lê Tuấn Huy (dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội.
6. Phạm Thế Lực (2006), “Tư tưởng chủ quyền nhân dân trong tác phẩm Khế ước xã hội của J. J. Rousseau”, Tạp chí *Khoa học xã hội*, số 6 (94).
7. Rousseau, J. J. (2016), *Khế ước xã hội*, Dương Văn Hóa (dịch), Nxb Thế giới, Hà Nội.
8. Đinh Ngọc Thạch (2007), “Một số tư tưởng triết học chính trị của John Locke: thực chất và ý nghĩa lịch sử”, Tạp chí *Triết học*, số 1 (188).
9. Trịnh Thị Xuyên (2007), “Tư tưởng của Rousseau về tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước”, Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 2 (290).
10. Dunning, W. A. (1909), “The Political Theories of Jean Jacques Rousseau”, *Political Science Quarterly*, No. 24 (3).
11. Hobbes, T. (1904), *Leviathan or The Matter, Forme & Power of A Commonwealth, Ecclesiasticall and Civill*, Waller, A. R. (edited), The Cambridge University, London.
12. Fralin, R. (1978), “The Evolution of Rousseau's View of Representative Government”, *Political Theory*, No. 6 (4).
13. Nguyen Thi Chau Loan (2017), “Rousseau’s Thoughts on the Division and Control of State Power: A Comparison with Montesquieu’s Model”, <https://doi.org/10.1515/9783110720358-007>, truy cập ngày 31/12/2017.